CHUYỂN ĐỔI GIÁO DỤC TRONG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở INDONESIA

Hoàng Thị Giang
Viện Nghiên cứu Châu Á – Thái Bình Dương
Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam
Email: hoasua_dph1983@yahoo.com

Tóm tắt: *Trong bối cảnh cạnh tranh kinh tế, chuyển đổi số và sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động, giáo dục trở thành nền tảng quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia của Indonesia. Bài viết phân tích quá trình chuyển đổi giáo dục Indonesia trong mối quan hệ với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào các phương diện: định hướng chính sách quốc gia; đổi mới chương trình và phương thức dạy học; chuyển đổi số; gắn kết giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học với thị trường lao động; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục. Qua đó, nhận diện được những thành tựu và thách thức trong quá trình chuyển đổi giáo dục ở Indonesia. Đồng thời, đưa ra những đề xuất nhằm nâng cáo chất lượng nguồn nhân lực thông qua chuyển đổi giáo dục của Indonesia trong bối cảnh hiện nay.*

Từ khóa: *Indonesia; chuyển đổi giáo dục; nguồn nhân lực chất lượng cao; giáo dục nghề nghiệp, đào tạo kỹ năng.*

EDUCATIONAL TRANSFORMATION IN THE DEVELOPMENT OF HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCES IN INDONESIA

Abstract: *Amid intensifying economic competition, digital transformation, and rapid changes in the labor market, education has become one of the key foundations for improving the quality of human resources and enhancing Indonesia's national competitiveness. This article examines Indonesia's educational transformation in relation to the goal of developing high-quality human resources,focusing on the key dimensions national policy orientations; curriculum and teaching-method reforms; digital transformation in education; stronger linkages between vocational and higher education and labor market needs; and equity in access to education. On this basis, the article assesses the achievements of Indonesia's educational transformation, identifies its existing limitations and challenges, and proposes several directions for further improving the quality of human resources through continued educational reform and transformation.*

Keywords: *Indonesia; educational transformation; high-quality human resources; vocational education; skills training.*

Nhận bài: 24/06/2026 *Phản biện: 24/07/2026* *Duyệt đăng: 27/07/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nguồn nhân lực chất lượng cao là trọng tâm trong chiến lược phát triển của Indonesia, đặt ra yêu cầu chuyển đổi giáo dục từ mở rộng tiếp cận sang nâng cao chất lượng, năng lực và khả năng thích ứng của người học. Trên nền tảng Luật số 20 năm 2003 về Hệ thống giáo dục quốc gia và Luật số 12 năm 2012 về Giáo dục đại học, Indonesia đã triển khai các cải cách trong khuôn khổ "Học tập tự do" (Merdeka Belajar), hướng tới tăng tính linh hoạt, phát triển năng lực, đẩy mạnh liên kết giáo dục với thị trường lao động và sử dụng dữ liệu trong quản trị. Từ đó, bài viết tập trung phân tích các chính sách và công cụ của quá trình chuyển đổi, tác động đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và những thách thức cần giải quyết để bảo đảm hiệu quả, công bằng và bền vững.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chuyển đổi giáo dục ở Indonesia được nghiên cứu bằng phương pháp định tính, kết hợp phân tích chính sách, văn bản và dữ liệu thứ cấp từ các cơ quan chính thức như BPK, Bappenas, BPS, các bộ quản lý giáo dục và Bộ Tài chính. Phân tích tập trung vào nền tảng thể chế, các nhóm chính sách cải cách và mối liên hệ giữa chuyển đổi giáo dục với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, qua đó nhận diện cả kết quả đạt được và khoảng cách giữa chính sách với thực tiễn thực thi.

III. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Chuyển đổi giáo dục trong chiến lược phát triển quốc gia

Indonesia tiếp cận chuyển đổi giáo dục như một bộ phận của chuyển đổi xã hội và kinh tế. Mục tiêu không chỉ là tăng số lượng người đi học mà còn là nâng cao chất lượng năng lực của dân cư, cải thiện khả năng tham gia thị trường lao động và hình thành nền tảng cho đổi mới sáng tạo.

Trong cơ cấu chính sách quốc gia, giáo dục gắn với ba mục tiêu chính. Một là bảo đảm quyền tiếp cận và duy trì việc học, đặc biệt đối với nhóm nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Hai là nâng cao chất lượng kết quả học tập. Ba là tăng tính phù hợp của giáo dục với nhu cầu phát triển kinh tế, công nghệ và việc làm.

Quan điểm này được thể hiện rõ trong phân bổ ngân sách. Năm 2025, ngân sách giáo dục Indonesia đạt khoảng 724,26 nghìn tỷ rupiah, tương đương 20% tổng chi ngân sách nhà nước. Nguồn lực này được phân bổ thông qua chi tiêu của Chính phủ Trung ương, chuyển giao cho địa phương và các khoản đầu tư của Nhà nước. Các chương trình hỗ trợ gồm Chương trình Indonesia thông minh (Program Indonesia Pintar), Thẻ Indonesia thông minh dành cho sinh viên (Kartu Indonesia Pintar Kuliah), Hỗ trợ hoạt động trường học (Bantuan Operasional Sekolah), học bổng Quỹ Quản lý Giáo dục (Lembaga Pengelola Dana Pendidikan, viết tắt là LPDP), hỗ trợ giáo viên, xây dựng và cải tạo cơ sở giáo dục.

Việc duy trì tỷ lệ 20% cho giáo dục có ý nghĩa quan trọng về mặt thể chế. Tuy nhiên, quy mô ngân sách chỉ tạo ra điều kiện cần. Hiệu quả phát triển nguồn nhân lực phụ thuộc vào chất lượng phân bổ, năng lực quản trị địa phương, mức độ ưu tiên cho các nhóm yếu thế và khả năng chuyển hóa đầu tư thành kết quả học tập thực tế.

3.2. Đổi mới chương trình và phương pháp dạy học

Một nội dung trung tâm của chuyển đổi giáo dục Indonesia là triển khai Chương trình giáo dục độc lập (Kurikulum Merdeka). Chương trình này hướng tới việc giảm tải nội dung, tập trung vào năng lực cốt lõi, tăng tính linh hoạt cho nhà trường và giáo viên, đồng thời tạo điều kiện để người học phát triển theo nhu cầu và bối cảnh cụ thể.

Khác với mô hình giáo dục nặng về truyền đạt và ghi nhớ, chương trình mới nhấn mạnh việc học có ý nghĩa, học theo dự án, giải quyết vấn đề và hình thành "Hồ sơ người học Pancasila" (Profil Pelajar Pancasila). Đây là định hướng nhằm kết hợp năng lực học thuật với các phẩm chất như độc lập, hợp tác, sáng tạo, tư duy phản biện, tôn trọng đa dạng và trách nhiệm xã hội.

Để hỗ trợ triển khai chương trình, Bộ Giáo dục Indonesia cung cấp sáu nhóm hỗ trợ, bao gồm Nền tảng Học tập tự do dành cho giáo viên (Platform Merdeka Mengajar), cộng đồng học tập, chuyên gia chia sẻ thực hành tốt, chuỗi hội thảo trực tuyến, đối tác phát triển và trung tâm hỗ trợ. Cách tiếp cận này cho thấy cải cách chương trình được xem là một quá trình phát triển năng lực nghề nghiệp liên tục của giáo viên, chứ không chỉ là việc ban hành một bộ sách hoặc tài liệu mới.

Trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới chương trình có ba đóng góp quan trọng. Thứ nhất, tạo cơ sở cho việc chuyển từ "học để thi" sang "học để vận dụng". Thứ hai, đưa kỹ năng mềm, năng lực hợp tác và tư duy sáng tạo vào quá trình dạy học. Thứ ba, mở rộng không gian tự chủ của giáo viên và nhà trường, qua đó khuyến khích các mô hình giáo dục phù hợp với đặc điểm địa phương.

Tuy nhiên, tự chủ chương trình chỉ phát huy tác dụng khi giáo viên có đủ năng lực thiết kế bài học, đánh giá quá trình và sử dụng dữ liệu học tập. Nếu năng lực thực thi không đồng đều, cùng một chương trình có thể tạo ra những kết quả rất khác nhau giữa các tỉnh, huyện và trường học.

3.3. Đánh giá dựa trên năng lực và quản trị bằng dữ liệu

Indonesia đã thay đổi đáng kể cách tiếp cận đánh giá chất lượng giáo dục thông qua Đánh giá quốc gia (Asesmen Nasional) và Báo cáo giáo dục (Rapor Pendidikan). Theo tài liệu của Trung tâm Đánh giá Giáo dục, Đánh giá quốc gia được thiết kế để phản ánh đầu vào, quá trình và đầu ra của hoạt động giáo dục. Chất lượng giáo dục được xem xét thông qua kết quả học tập nền tảng của học sinh, gồm đọc hiểu, toán học và phẩm chất; chất lượng quá trình dạy học; cũng như môi trường học tập. Đánh giá quốc gia sử dụng ba công cụ chính: Đánh giá năng lực tối thiểu (Asesmen Kompetensi Minimum), Khảo sát phẩm chất (Survei Karakter) và Khảo sát môi trường học tập (Survei Lingkungan Belajar).

Báo cáo giáo dục chuyển các kết quả đánh giá thành một hệ thống thông tin phục vụ phản hồi và hoạch định chính sách. Báo cáo có thể phản ánh tình trạng giáo dục ở cấp quốc gia, tỉnh và huyện/thành phố; đồng thời được công khai để xã hội theo dõi. Việc công khai dữ liệu tạo ra khả năng chuyển từ quản lý dựa trên đầu vào sang quản trị dựa trên bằng chứng.

Đây là một bước chuyển quan trọng về phương diện quản trị. Trong mô hình cũ, chất lượng thường được đánh giá qua số lượng trường, số giáo viên, tỷ lệ nhập học hoặc mức chi ngân sách. Trong mô hình mới, các chỉ số về năng lực học tập, môi trường sư phạm và quá trình dạy học được đặt ở vị trí trung tâm.

Đối với phát triển nguồn nhân lực, hệ thống đánh giá này giúp:

• Nhận diện sớm những khoảng trống về đọc hiểu, toán học và năng lực xã hội.

• Hỗ trợ nhà trường xây dựng kế hoạch cải thiện dựa trên dữ liệu cụ thể.

• Cung cấp căn cứ cho địa phương phân bổ nguồn lực.

• Tăng trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

• Tạo cơ sở theo dõi chênh lệch giữa các nhóm học sinh và các vùng lãnh thổ.

Tuy vậy, dữ liệu chỉ có giá trị khi được diễn giải đúng và gắn với hành động cải thiện. Nếu Báo cáo giáo dục chỉ được sử dụng để xếp hạng, nó có thể tạo ra áp lực thành tích thay vì khuyến khích cải tiến thực chất. Vì vậy, cần bảo đảm rằng dữ liệu đánh giá phục vụ phát triển nhà trường, không biến thành cơ chế trừng phạt đối với các trường đang hoạt động trong điều kiện khó khăn.

3.4. Chuyển đổi số và hình thành năng lực mới

Chuyển đổi số là một trụ cột quan trọng trong cải cách giáo dục Indonesia. Công nghệ được sử dụng ở nhiều cấp độ: quản trị nhà trường, cung cấp tài nguyên học tập, hỗ trợ giáo viên, tổ chức lớp học, đánh giá người học và kết nối sinh viên với doanh nghiệp.

Nền tảng Học tập tự do dành cho giáo viên (Platform Merdeka Mengajar) được xây dựng như một nền tảng hỗ trợ giáo viên trong ba chức năng: dạy học, học tập và sáng tạo nghề nghiệp. Nền tảng này cung cấp tài liệu, gợi ý thực hành, công cụ phát triển chuyên môn và không gian chia sẻ kinh nghiệm. Đến năm 2025, nền tảng được phát triển trong lộ trình chuyển đổi số rộng hơn, gắn với hệ sinh thái Ngôi nhà giáo dục (Rumah Pendidikan) và Không gian giáo viên, nhân viên giáo dục (Ruang GTK).

Về phương diện phát triển nhân lực, chuyển đổi số tạo ra bốn tác động chủ yếu.

Thứ nhất, nó mở rộng quyền tiếp cận tri thức. Người học và giáo viên có thể tiếp cận tài liệu vượt ra ngoài phạm vi sách giáo khoa và lớp học truyền thống. Thứ hai, nó tạo điều kiện cho học tập cá nhân hóa, trong đó nội dung và tốc độ học có thể được điều chỉnh theo nhu cầu. Thứ ba, nó thúc đẩy năng lực số - một điều kiện ngày càng quan trọng của việc làm hiện đại. Thứ tư, nó hỗ trợ kết nối giữa các cơ sở giáo dục, chuyên gia, doanh nghiệp và cộng đồng nghề nghiệp.

Chuyển đổi số cũng góp phần làm thay đổi vai trò của giáo viên. Giáo viên không còn chỉ là người truyền đạt nội dung mà trở thành người thiết kế trải nghiệm học tập, hướng dẫn tư duy và hỗ trợ người học lựa chọn, kiểm chứng và vận dụng thông tin.

Tuy nhiên, công nghệ không tự động tạo ra chất lượng. Indonesia vẫn phải giải quyết ba vấn đề: chênh lệch khả năng kết nối giữa các vùng; năng lực số không đồng đều của giáo viên và học sinh; và nguy cơ sử dụng công nghệ theo hướng hình thức. Một nền tảng số có thể mở rộng tài nguyên học tập, nhưng không thể thay thế sự tương tác sư phạm, sự hỗ trợ tâm lý và các điều kiện xã hội cần thiết cho việc học.

3.5. Giáo dục đại học và kết nối với thị trường lao động

Ở bậc đại học, chính sách "Học tập tự do – Khuôn viên đại học tự chủ" (Merdeka Belajar–Kampus Merdeka, viết tắt là MBKM) được thiết kế nhằm tăng cường tính linh hoạt của chương trình và kết nối sinh viên với thực tiễn nghề nghiệp. Theo hướng dẫn năm 2024, sinh viên có thể tham gia các hoạt động ngoài trường như thực tập, nghiên cứu độc lập, trao đổi sinh viên, khởi nghiệp và các dự án chuyên môn trong thời gian tối đa ba học kỳ theo thiết kế của chương trình.

Mục tiêu của MBKM là khắc phục khoảng cách giữa kiến thức được giảng dạy trong trường đại học và năng lực mà doanh nghiệp cần. Chính sách này coi doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước và cộng đồng nghiên cứu là những đối tác của quá trình đào tạo.

Theo thông tin chính thức của Bộ Giáo dục Indonesia, đến tháng 10 năm 2024, hơn hai triệu sinh viên đã tham gia các cơ hội học tập ngoài khuôn viên trường kể từ khi chương trình Khuôn viên đại học tự chủ được triển khai vào năm 2020. Quy mô này cho thấy chính sách đã tạo ra một kênh kết nối đáng kể giữa giáo dục đại học và thế giới nghề nghiệp.

Một điểm đáng chú ý khác là sự xuất hiện của các chương trình đào tạo kỹ năng số chuyên sâu như học máy, phát triển ứng dụng di động, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng. Những chương trình này giúp sinh viên tiếp cận các lĩnh vực có nhu cầu nhân lực cao và hình thành năng lực theo chuẩn ngành công nghiệp.

Tuy nhiên, MBKM cũng đặt ra yêu cầu cao đối với quản trị đại học. Các trường cần xây dựng cơ chế công nhận tín chỉ, kiểm soát chất lượng thực

tập, đánh giá kết quả học tập ngoài trường và bảo đảm cơ hội tham gia không chỉ dành cho sinh viên có điều kiện kinh tế hoặc đang học tại các trường lớn. Nếu thiếu cơ chế bảo đảm chất lượng, học tập ngoài trường có thể bị biến thành hoạt động ngắn hạn, thiếu liên kết với chuẩn đầu ra.

3.6. Giáo dục nghề nghiệp và mô hình "liên kết và tương thích"

Giáo dục nghề nghiệp giữ vai trò quan trọng trong cung cấp nhân lực kỹ thuật cho công nghiệp, dịch vụ, kinh tế số và các ngành công nghệ mới. Indonesia thúc đẩy mô hình "liên kết và tương thích" (link and match), theo đó chương trình đào tạo được gắn với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động thông qua đồng bộ hóa chương trình, chuyên gia doanh nghiệp tham gia giảng dạy, thực tập, đánh giá và chứng nhận năng lực. Mô hình "nhà máy thực hành" (teaching factory) cũng tạo môi trường học tập gần với thực tiễn sản xuất, giúp người học phát triển kỹ năng nghề, kỷ luật lao động và khả năng sử dụng công nghệ. Tuy nhiên, liên kết chỉ hiệu quả khi doanh nghiệp thực sự tham gia xây dựng chương trình, giáo viên được cập nhật chuyên môn, sinh viên được thực tập có hướng dẫn và đánh giá, đồng thời nhà trường và doanh nghiệp cùng theo dõi kết quả việc làm sau tốt nghiệp.

3.7. Công bằng giáo dục và phát triển nhân lực bao trùm

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao không thể tách rời công bằng giáo dục. Indonesia là quốc gia quần đảo rộng lớn, có sự khác biệt đáng kể giữa các đảo, giữa đô thị và nông thôn, cũng như giữa các địa phương có năng lực quản trị khác nhau. Vì vậy, mở rộng cơ hội học tập là điều kiện đầu tiên để tránh việc nguồn nhân lực chất lượng cao chỉ tập trung ở các trung tâm kinh tế.

Các chương trình Indonesia thông minh (Program Indonesia Pintar), Thẻ Indonesia thông minh dành cho sinh viên (Kartu Indonesia Pintar Kuliah), Hỗ trợ hoạt động trường học (Bantuan Operasional Sekolah), học bổng LPDP và các chương trình hỗ trợ cho vùng 3T — vùng xa, biên giới và khó khăn — được sử dụng để giảm rào cản tài chính đối với người học. Bộ Tài chính Indonesia cho biết ngân sách giáo dục được sử dụng để hỗ trợ hàng chục triệu học sinh thông qua các chương trình hỗ trợ hoạt động trường học và Chương trình Indonesia thông minh, đồng thời hỗ trợ sinh viên đại học thông qua Thẻ Indonesia thông minh dành cho sinh viên và các chương trình học bổng.

Công bằng giáo dục cũng liên quan đến chất lượng hạ tầng, giáo viên, thiết bị số và dinh dưỡng học đường. Chính sách giáo dục chỉ có thể tạo ra kết quả lâu dài khi người học có đủ sức khỏe, thời gian, điều kiện gia đình và môi trường an toàn để học tập.

Do đó, chuyển đổi giáo dục ở Indonesia cần được thiết kế theo hướng kép: nâng cao chất lượng chung của hệ thống và phân bổ ưu tiên cho những nơi có mức thiếu hụt lớn nhất. Nếu chỉ tập trung vào các trường đại học hàng đầu, các thành phố lớn hoặc các chương trình công nghệ cao, quá trình chuyển đổi có nguy cơ làm sâu sắc thêm bất bình đẳng vùng miền.

IV. THẢO LUẬN

4.1. Những thành tựu nổi bật

Indonesia đã hình thành hệ thống cải cách giáo dục tương đối đồng bộ, chuyển trọng tâm từ nội dung sang phát triển năng lực, tăng cường chuyển đổi số và gắn đào tạo với thị trường lao động. Các chương trình ở giáo dục phổ thông, đại học và nghề nghiệp bước đầu tạo sự liên thông, đồng thời đầu tư giáo dục và các nền tảng số góp phần mở rộng cơ hội học tập.

4.2. Những thách thức cơ bản

Thách thức chủ yếu nằm ở khoảng cách giữa chính sách và thực thi, chênh lệch giáo dục giữa các vùng, năng lực nền tảng của học sinh, hiệu quả liên kết nhà trường–doanh nghiệp và quản trị dữ liệu. Do đó, Indonesia cần tiếp tục nâng cao năng lực giáo viên, bảo đảm công bằng về nguồn lực, củng cố các năng lực cơ bản và sử dụng dữ liệu giáo dục hiệu quả, an toàn.

4.3. Một số đề xuất

Một là, chuyển đổi giáo dục cần được tổ chức theo chu trình liên tục: đo lường, phân tích, can thiệp, đánh giá và điều chỉnh. Báo cáo giáo dục chỉ thực sự có giá trị khi được nối với kế hoạch cải thiện ở cấp trường, huyện, tỉnh và quốc gia.

Hai là, phát triển giáo viên phải được coi là nhiệm vụ trung tâm. Các chương trình bồi dưỡng cần chuyển từ tập huấn ngắn hạn sang phát triển nghề nghiệp liên tục, dựa trên cộng đồng học tập, cố vấn chuyên môn, quan sát lớp học và phản hồi dựa trên dữ liệu.

Ba là, chính sách số cần ưu tiên tính bao trùm. Đối với vùng khó khăn, phải kết hợp nền tảng trực tuyến với tài nguyên có thể sử dụng ngoại tuyến, thiết bị dùng chung, trung tâm học tập cộng đồng và hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ.

Bốn là, cần thiết lập các tiêu chuẩn rõ ràng cho thực tập, học tập ngoài trường và hợp tác doanh nghiệp. Sinh viên phải được bảo đảm mục tiêu học tập, người hướng dẫn, tiêu chí đánh giá và công nhận kết quả.

Năm là, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phải gắn với học tập suốt đời. Trong nền kinh tế số, kiến thức nhanh chóng lỗi thời; vì vậy, hệ thống giáo dục cần liên kết chặt chẽ hơn với đào tạo lại, nâng cao kỹ năng, giáo dục người trưởng thành và các chương trình chứng chỉ nghề nghiệp.

V. KẾT LUẬN

Chuyển đổi giáo dục ở Indonesia đang chuyển từ mô hình thiên về nội dung và quản lý hành chính sang mô hình chú trọng năng lực, dữ liệu, tính linh hoạt và gắn kết với thực tiễn. Những cải cách ở giáo dục phổ thông, đại học và nghề nghiệp đã góp phần tăng cường liên thông hệ thống, mở rộng cơ hội học tập, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và thúc đẩy quản trị dựa trên dữ liệu. Tuy nhiên, chênh lệch vùng miền, năng lực giáo viên, chất lượng học tập, liên kết doanh nghiệp và quản trị dữ liệu vẫn là những điểm nghẽn cần khắc phục. Do đó, giai đoạn tới cần ưu tiên nâng cao chất lượng thực thi, bảo đảm công bằng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực có tri thức, năng lực số, tư duy sáng tạo, khả năng học tập suốt đời, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, qua đó biến giáo dục thành động lực phát triển bền vững của Indonesia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Kế hoạch Phát triển Quốc gia Indonesia, Bản tóm tắt Kế hoạch Phát triển Trung hạn Quốc gia giai đoạn 2025–2029 (Ringkasan RPJMN Tahun 2025–2029), Jakarta: Bappenas, 2025. https://perpustakaan.bappenas.go.id/e-library/file_upload/koleksi/dokumenbappenas/konten/Dokumen%202025/Konten/%7BDigital%7D%20Ringkasan%20RPJMN%20Tahun%202025-2029.pdf, truy cập ngày 15/7/2026.

Chính phủ Cộng hòa Indonesia, Luật số 20 năm 2003 về Hệ thống giáo dục quốc gia (Undang-Undang Nomor 20 Tahun 2003 tentang Sistem Pendidikan Nasional), Cơ sở dữ liệu pháp luật của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước Indonesia. https://peraturan.bpk.go.id/details/43920/uu-no-20-tahun-2003,

Chính phủ Cộng hòa Indonesia, Luật số 12 năm 2012 về Giáo dục đại học (Undang-Undang Nomor 12 Tahun 2012 tentang Pendidikan Tinggi), Cơ sở dữ liệu pháp luật của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước Indonesia. https://peraturan.bpk.go.id/Details/39063/uu-no-12-tahun-2012,

Bộ Tài chính Cộng hòa Indonesia, "Ngân sách nhà nước mở rộng cơ hội học tập và nâng cao chất lượng giáo dục Indonesia" (APBN Perluas Kesempatan Belajar dan Tingkatkan Kualitas Pendidikan Indonesia), Tạp chí Tài chính (Media Keuangan), ngày 7 tháng 1 năm 2025.

Cơ quan Tiêu chuẩn, Chương trình và Đánh giá Giáo dục, "Hỗ trợ triển khai" (Dukungan Implementasi), Bộ Giáo dục Cơ bản và Trung học Indonesia.

Trung tâm Đánh giá Giáo dục, "Báo cáo giáo dục Indonesia" (Rapor Pendidikan Indonesia), Bộ Giáo dục, Văn hóa, Nghiên cứu và Công nghệ Indonesia.

Trung tâm Đánh giá Giáo dục, "Báo cáo giáo dục công khai" (Rapor Pendidikan Publik), Bộ Giáo dục, Văn hóa, Nghiên cứu và Công nghệ Indonesia.

Cơ quan Tiêu chuẩn, Chương trình và Đánh giá Giáo dục, "Nền tảng Học tập tự do dành cho giáo viên" (Platform Merdeka Mengajar), Bộ Giáo dục Cơ bản và Trung học Indonesia.

Cơ quan Phát triển Giáo viên và Nhân viên giáo dục Nam Sulawesi, "Không gian giáo viên và nhân viên giáo dục trở thành phương tiện học tập truyền cảm hứng, tích hợp và bao trùm" (Ruang GTK Jadi Sarana Belajar yang Inspiratif, Terintegrasi, Inklusif), ngày 14 tháng 3 năm 2025.

Tổng cục Giáo dục đại học, Sổ tay hướng dẫn Học tập tự do–Khuôn viên đại học tự chủ năm 2024 (Buku Panduan Merdeka Belajar–Kampus Merdeka 2024), Bộ Giáo dục Đại học, Khoa học và Công nghệ Indonesia.

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Nghiên cứu và Công nghệ Cộng hòa Indonesia, "Khuôn viên đại học tự chủ: Mở rộng cơ hội học tập ngoài trường, tối ưu hóa năng lực sinh viên" (Kampus Merdeka: Perluas Akses Belajar Luar Kampus, Optimalkan Kompetensi Mahasiswa), ngày 1 tháng 10 năm 2024.

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Hướng dẫn kỹ thuật về phục hồi trường trung học nghề trong thế giới công nghiệp (Pedoman Teknis Revitalisasi SMK dalam Dunia Industri), Bộ Giáo dục và Văn hóa Indonesia.

Tổng cục Trường Trung học nghề, "Phát triển đơn vị dịch vụ công tự chủ và nhà máy thực hành nhằm xây dựng lợi thế cho trường trung học nghề" (Pengembangan BLUD dan Teaching Factory dalam Membangun Keunggulan SMK), Bộ Giáo dục Indonesia.

Bộ Tài chính Cộng hòa Indonesia, "Ngân sách nhà nước dành cho giáo dục" (APBN Untuk Pendidikan), Tổng cục Ngân khố Nhà nước, năm 2025.

Bộ Tài chính Cộng hòa Indonesia, "Ngân sách nhà nước mở rộng cơ hội học tập và nâng cao chất lượng giáo dục Indonesia" (APBN Perluas Kesempatan Belajar dan Tingkatkan Kualitas Pendidikan Indonesia), Tạp chí Tài chính (Media Keuangan), ngày 7 tháng 1 năm 2025.